

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 13 - 6 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hùng

+ Ông Bùi Văn Độ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1958

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 28, khu tập thể X260, thôn Bãi Th, xã Đồng T, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Dịch vụ 21, số nhà 890, phường Kiến H, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

* Bị đơn: - Bà Bùi Thị S, sinh năm 1974; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (đã chết năm 2019)

Điều cùng địa chỉ: Số nhà 101, khu tập thể X260, thôn Bãi Th, xã Đồng T, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T, gồm:

+ Bà Bùi Thị S, sinh năm 1974 (Vợ ông T); vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1994 (Con ông T); vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức Th2, sinh năm 1999 (Con ông T); Có đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: Số nhà 101, khu tập thể X260, thôn Bãi Th, xã Đồng T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

+ Cụ Nguyễn Thị Th3 (Mẹ ông T); vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Vu Ch, xã Cổ Đ, huyện Ba V, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2021, nguyên đơn bà Trần Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T cùng công tác tại Xưởng X260 - Cục quân khí Tổng Cục Kỹ Thuật. Bà và vợ chồng ông T, bà S sinh sống cùng khu tập thể X260. Ông T, bà S nhiều lần, gặp bà để hỏi vay tiền được thể hiện ở các giấy sau: Ông T viết, ký giấy vào ngày 07/7/2016 số tiền 150.000.000 đồng, ngày 13/9/2016 số tiền 70.000.000 đồng, ngày 08/11/2016 số tiền 60.000.000 đồng; bà S viết, ký giấy vay tiền ngày 22/10/2017 số tiền vay 20.000.000 đồng. Các lần ông T viết, ký giấy vay tiền thì bà S đều có mặt và nhận tiền; riêng ngày 22/10/2017, ông T ở Ba Vì điện thoại cho bà hỏi vay tiền thì bà S mới viết, ký giấy vay tiền bà. Tổng số tiền gốc bà cho ông T, bà S vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Trong các giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng các bên thỏa Th2 lãi suất 1,5%/tháng của tất cả khoản vay. Sau khi vay, hàng tháng bà S trực tiếp thanh toán tiền lãi tất cả các khoản vay cho bà; việc trả lãi chỉ đưa tay và không ghi giấy. Từ tháng 2/2019, bà S, ông T không thanh toán lãi của toàn bộ khoản vay; bà có đến gặp ông T, bà S yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà S đều khát nợ. Khoảng tháng 9/20219 âm lịch, ông T chết. Sau lần đó, bà đến gặp bà S yêu cầu trả toàn bộ khoản vay của ông T, bà S nhưng bà S khát và hẹn sau khi nhận tiền tuất của ông T sẽ thanh toán toàn bộ khoản vay của 2 vợ chồng. Ngày 21/02/2020 dương lịch, anh Th2 là con trai của bà S và ông T đến trả bà 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Số tiền này các bên thỏa Th2 miệng trừ nợ lãi của các khoản tiền nợ gốc nêu trên nên bà viết giấy nhận tiền của anh Th2 ghi nội dung “đã nhận của cháu Th2 con cô S, T với số tiền 20.000.000 đồng”.

Do bà S không thực hiện trả nợ khoản vay của bà S, ông T nên bà khởi kiện yêu cầu bà S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T là cụ Nguyễn Thị Th3, bà Bùi Thị S, anh Nguyễn Văn Th1, anh Nguyễn Đức Th2 phải trả nợ số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bà Th cung cấp các tài sản của ông T để lại và yêu cầu Tòa án làm rõ.

Ngày 14/3/2022, bà Trần Thị Th có đơn sửa đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Yêu cầu bà Bùi Thị S, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T thanh toán trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), không yêu cầu xem xét tiếp tiền lãi sau khi đối trừ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) anh Nguyễn Đức Th2 trả lãi thay. Rút yêu cầu đề nghị làm rõ phần đất nông nghiệp cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn T ở xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Bổ sung yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T quản lý tài sản của ông T để lại có nghĩa vụ thanh toán trả nợ số tiền ông Nguyễn Văn T đã vay của bà Th.

* Bị đơn bà Bùi Thị S đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn T. Cụ Nguyễn Thị Th3 và cụ Nguyễn Văn Tr (Đã chết từ nhiều năm trước) là bố mẹ đẻ ông T. Bà và ông T sinh được hai người con là Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Đức Th2. Ngoài ra, bà và ông T không có con đẻ con nuôi nào khác.

Bà, ông T sinh sống cùng khu tập thể với bà Th. Ông T công tác tại Xưởng X260 còn bà không có việc làm ổn định, chỉ ở nhà chăm sóc gia đình. Việc ông T vay tiền bà Th như thế nào thì bà không biết. Bà thừa nhận có vay của bà Th số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nhưng đã nhờ anh Th2 trả nợ thay vào ngày 21/02/2020. Sau khi ông T chết thì bà nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội (tiền tuất) của ông Nguyễn Văn T; toàn bộ số tiền này bà đã lo ma, trả nợ thay cho ông T. Nay bà Th khởi kiện bà và ông T thì bà không nhất trí vì khoản vay của bà đã trả xong.

* Cụ Nguyễn Thị Th3 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T trình bày:

Cụ Th3 nhất trí với lời trình bày của bà S về quan hệ huyết thống. Việc ông T vay tiền bà Th như thế nào thì cụ không biết. Bà Th khởi kiện yêu cầu người kế thừa nghĩa vụ tố tụng thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông T để lại thì cụ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Anh Nguyễn Văn Th1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của bà S về quan hệ huyết thống. Việc ông T vay tiền bà Th như thế nào thì anh không biết vì anh đi nghĩa vụ quân sự từ năm 2013 đến tháng 12/2020 mới về công tác tại Xưởng X260. Khi ông T chết thì bà S nhận tiền tuất của ông T, số tiền cụ thể anh không biết.

* Anh Nguyễn Đức Th2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của bà S về quan hệ huyết thống. Ông T vay tiền của bà Th như thế nào anh không biết. Sau khi ông T chết, bà Th đến nhà anh đòi tiền bà S thì anh mới biết bà S vay của bà Th. Ngày 21/02/2020, bà S đưa cho anh 20.000.000 đồng đem trả bà Th. Bà Th ghi giấy với nội dung “đã nhận của cháu Th2 con cô S, T với số tiền 20.000.000 đồng”; anh dùng điện thoại chụp lại giấy và in bản phô tô gửi cho Tòa án, ngoài ra bà Th và anh không thỏa Th2, ghi thêm nội dung nào khác. Anh không biết ông T chết có để lại tài sản cũng như chế độ khác được hưởng tại Xưởng X260. Nay bà Th khởi kiện bà S và ông T thì anh từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày: Nguồn gốc số tiền bà cho ông T, bà S là do bà vay lãi người khác, sau đó bà cho bà S, ông T vay lại. Năm 1990, bà ly hôn đến nay bà chưa kết hôn. Bà giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc: Bà Bùi Thị S, ông Nguyễn Văn T trả bà số tiền đã vay như đã trình bày nêu trên. Do ông T đã chết nên bà yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa

vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông T để lại gồm: Tiền bảo hiểm xã hội 564.042.167 đồng, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở tại thôn Vu Ch, xã Cổ Đ, huyện Ba V, thành phố Hà Nội phải trả bà số tiền nợ gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); bà không yêu cầu phía bị đơn phải trả lãi suất của toàn bộ khoản vay sau thời điểm anh Th2 trả lãi thay của các khoản vay trên vào ngày 21/02/2020. Bà rút yêu cầu đề nghị làm rõ phần đất nông nghiệp cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn T ở xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th. Ông Nguyễn Văn T chết có tài sản để lại gồm: Chế độ Tuất 01 lần và nhà đất ở thôn Vu Chu, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, Hà Nội. Do vậy, buộc bà S và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T phải thanh toán trả bà Th số tiền nợ gốc: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Bà Th rút yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị không xem xét. Bà Th và cụ Nguyễn Thị Th3 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật. Bà S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là anh Nguyễn Văn Th1, anh Nguyễn Đức Th2 phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Th khởi kiện bị đơn bà Bùi Thị S, ông Nguyễn Văn T ; địa chỉ: Xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội yêu cầu Tòa án buộc: Bà Bùi Thị S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Nguyễn Văn T chết để lại theo các giấy vay, giấy biên nhận tiền ký vào các ngày 07/7/2016, 13/9/2016, 08/11/2016, 22/10/2017. Theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng.

Bà Trần Thị Th có đơn xin sửa đổi bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện trước thời điểm thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là phù hợp với quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, phần IV tiểu mục 7 Nghị quyết số 01/2017/GĐ-TAND ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị S, anh Nguyễn Văn Th1, anh Nguyễn Đức Th2, cụ Nguyễn Thị Th3 đã nhiều lần được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà S, anh Th1, anh Th2, cụ Th3 đều vắng mặt. Căn cứ Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ đối với nguyên đơn, không tiến hành hòa giải được vụ án. Do bà S, anh Th1, anh Th2, cụ Th3 vắng mặt tại

phiên tòa nhiều lần nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà S, anh Th1, anh Th2, cụ Th3 là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th buộc phía bị đơn bà Bùi Thị S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T phải trả toàn bộ khoản vay do ông Nguyễn Văn T đã chết để lại. Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Xét yêu cầu của bà Th khởi kiện ông T, bà S phải trả nợ khoản vay theo các giấy vay, nhận tiền.

Phía nguyên đơn cung cấp các tài liệu gốc số tiền ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S vay số tiền: 300.000.000đ (Ba triệu đồng). Cụ thể: Ông T viết, ký giấy vay nhận tiền với bà Th 280.000.000 đồng vào các ngày 07/7/2016 số tiền 150.000.000 đồng, ngày 13/9/2016 số tiền 70.000.000 đồng, ngày 08/11/2016 số tiền 60.000.000 đồng. Bà S viết, ký giấy vay nhận tiền ngày 22/10/2017 số tiền 20.000.000 đồng. Bà S, anh Th1, anh Th2, cụ Th3 không biết ông T vay bà Th bao nhiêu tiền. Căn cứ vào các tài liệu gốc có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn T do Tòa án thu thập tại Xưởng X260 – Cục quân khí nơi ông T công tác gồm: Bản đăng ký cam kết ngày 17/01/2018 có chữ ký, chữ viết ghi phía dưới người viết cam kết; hợp đồng thuê nhà ở công vụ ngày 02/4/2018 có chữ ký, chữ viết ghi phía dưới bên thuê nhà ở công vụ; các tài liệu này được giám định với các chữ viết, chữ ký của ông T trong các tài liệu gốc giấy biên nhận vay tiền, giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp. Tại Kết luận giám định số 1507/KL-KTHS ngày 10/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận chữ ký, chữ viết tài liệu gốc ghi Nguyễn Văn T do nguyên đơn cung cấp với chữ ký, chữ viết tài liệu gốc Nguyễn Văn T do Tòa án thu thập là do cùng một người viết ra. Bà S thừa nhận vay bà Th số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) phù hợp với tài liệu do bà Th cung cấp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định ông Nguyễn Văn T vay bà Th số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng); bà Bùi Thị S vay bà Th số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Về việc trả nợ gốc khoản vay: Quá trình giải quyết vụ án, bà Th khẳng định cho ông T, bà S vay tiền có tính lãi; hàng tháng bà S trả lãi nhưng không có giấy tờ ghi lại. Phía bị đơn cũng như người kế thừa tố tụng của ông T không xuất trình được tài liệu nào làm rõ thời gian, số tiền trả nợ gốc, lãi cho bà Th trong suốt thời gian vay đến thời điểm Tòa án xét xử. Ngày 21/02/2020, anh Th2 đưa bà Th 20.000.000 và bà Th nhận ghi nội dung “Đã nhận của cháu Th2 con cô S, T với số tiền 20.000.000 đồng”. Số tiền này bà Th nhận sau thời điểm bà S nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn T. Từ phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định, ông T, bà S chưa trả nợ gốc cho bà Th.

Việc trả lãi khoản vay: Như phân tích trên, số tiền 20.000.000 đồng bà S đưa cho anh Th2 trả cho bà Th được trừ vào lãi phát sinh trên nợ gốc khoản vay của ông T, bà S là có căn cứ. Bà Th rút yêu cầu tính lãi suất của toàn bộ khoản vay của ông T, bà S sau khi đối trừ số tiền anh Th2 đưa vào ngày 21/02/2020. Xét yêu cầu của bà Th là tự nguyện Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà Th.

[2.2]. Về quan hệ huyết thống và quyền thừa kế tài sản:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của phía bị đơn thể hiện: Ông Nguyễn Văn T (chết tháng 10/2019) là con cụ Nguyễn Văn Tr (chết năm 1995) và cụ Nguyễn Thị Th3. Ông T kết hôn với bà Bùi Thị S sinh được 02 người con là Nguyễn Văn Th1 và Nguyễn Đức Th2; ngoài ra không có con đẻ con nuôi nào khác. Bà S, cụ Th3, anh Th1, anh Th2 thuộc hàng thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn T. Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự thì những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản người chết để lại.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và xác minh thể hiện ông Nguyễn Văn T chết có các tài sản để lại:

Ngày 15/01/2020, bà S nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn T số tiền: 564.042.167đ (Năm trăm S mươi tư triệu không trăm bốn mươi hai nghìn một trăm S mươi bảy đồng). Bà S khẳng định đã nhận khoản tiền này phù hợp với chữ ký, chữ viết (Bùi Thị S) tại Kết luận giám định số 1507/KL-KTHS ngày 10/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội. Bà S xác nhận đã dùng số tiền trên để chi phí lo ma, trả nợ riêng cho ông T nhưng bà S không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh. Qua xác minh tại địa phương, việc chi phí 01 đám hiếu theo phong tục tập quán địa phương như sau: Theo thủ tục địa táng 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng), theo thủ tục hỏa táng 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng). Như vậy, số tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội theo chế độ của ông T mà bà S đã sử dụng để chi phí đám hiếu cho ông T vẫn còn.

Qua xác minh thể hiện: Ông Nguyễn Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 04, diện tích 460m²; địa chỉ thửa đất: Thôn Vu Ch, xã Cổ Đ, huyện Ba V, thành phố Hà Nội; do Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì cấp ngày 10/3/2011; số giấy chứng nhận BD768081; số vào sổ cấp giấy CH00081/QSĐĐ- CĐ. Thửa đất này, kể từ khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không đăng ký biến động vẫn giữ nguyên hiện trạng. Cụ Nguyễn Thị Th3 đang sinh sống trên thửa đất nêu trên.

Từ phân tích nêu trên, bà Th yêu cầu những người kế thừa quyền nghĩa vụ tài sản của ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Nguyễn Văn T chết để lại có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th được chấp nhận. Bà Th là người cao tuổi được miễn nộp án phí.

Bà Bùi Thị S phải chịu án phí tương ứng với phần trách nhiệm dân sự phải trả bà Th. Bà S, anh Th1, anh Th2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông T chết để lại theo qui định của pháp luật. Cụ Th3 là người cao tuổi được miễn án phí theo qui định.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 210; khoản 2 Điều 227 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 615 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Th khởi kiện bà Bùi Thị S và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Nguyễn Văn T chết để lại phải trả bà Th số tiền ông T, bà S vay là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), cụ thể:

1.1. Buộc bà Bùi Thị S phải trả bà Trần Thị Th số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 22/10/2017.

1.2. Xác nhận ông Nguyễn Văn T vay, nợ bà Trần Thị Th số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) theo các giấy sau: Giấy biên nhận tiền ngày 07/07/2016 số tiền 150.000.000 đồng; giấy nhận nợ ngày 13/9/2016 số tiền 70.000.000 đồng; giấy nhận nợ ngày 08/11/2016 số tiền 60.000.000 đồng.

Buộc những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T là: Bà Bùi Thị S, cụ Nguyễn Thị Th3, anh Nguyễn Đức Th2, anh Nguyễn Văn Th1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ bà Trần Thị Th trong phạm vi phần tài sản ông Nguyễn Văn T để lại, gồm: Tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội của ông T chết là 564.042.167đ (Năm trăm sáu mươi tư triệu không trăm bốn mươi hai nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng). Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 04, diện tích 460m²; địa chỉ thửa đất: Thôn Vu Ch, xã Cổ Đ, huyện Ba V, thành phố Hà Nội; do Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì cấp ngày 10/3/2011 mang tên Nguyễn Văn T; số giấy chứng nhận BD768081; số vào sổ cấp giấy CH00081/QSDD- CĐ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với việc bà Trần Thị Th rút yêu cầu bà Bùi Thị S, cụ Nguyễn Thị Th3, anh Nguyễn Văn Th1, anh Nguyễn Đức Th2 trả lãi toàn bộ khoản vay.

3. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị S phải nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) tương ứng với phần nghĩa vụ thanh toán trả bà Th và 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tương ứng với phần thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông T chết để lại. Tổng số tiền bà S phải nộp là: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn Th1, anh Nguyễn Đức Th2 mỗi người phải nộp

3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tương ứng với phần thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Nguyễn Văn T chết để lại.

Bà Th, cụ Th3 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí.

4. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

